

Bản án số: 300/2020/HS-PT
Ngày 05 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Nhựt Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Quang Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 205/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo:

Nguyễn Thị Bích Kh, sinh năm 1961; Nơi đăng ký HKTT: đường Ng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Đường 22, khu dân cư 6A H, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Mua bán (Nguyên Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ T); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1927 (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1930; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 chị em; Chồng tên Bùi Thế Ng, sinh năm 1955 (đã ly thân từ năm 2006 đến nay); Có 02 con, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 15/9/2015. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Luật sư Đinh Thế H - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (có mặt)

+ Luật sư Trịnh Vĩnh Ph - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có

mặt)

- *Bị hại*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kinh doanh chế biến lương thực H

Địa chỉ: ấp Th, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật là bà Cao Thị G, chức vụ: Giám đốc. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn C, sinh năm 1976. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Th, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà Cao Thị G và ông Trần Văn C ủy quyền cho Võ Đức Duy H, sinh ngày 19/10/1976. (có mặt)

Địa chỉ: đường 3/2, Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 18/3/2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Nguyễn Văn H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bùi Thế Ng, sinh năm 1955. (có mặt)

Nơi cư trú: đường Ng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ng: Luật sư Đinh Thế H - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1968. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Vũ Thanh D, sinh năm 1982. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ngân hàng TMCP P

Người đại diện là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Nơi cư trú: đường L, phường B3, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Công ty B

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Tuyết H, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

Nơi cư trú: đường N, phường P1, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng*:

1. Vũ Đình Đ, sinh năm 1958. (có mặt)

HKTT: ấp A, xã T4, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Thôn 3, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

2. Hoàng Thị D, sinh năm 1985. (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp 1, xã V, huyện V1, tỉnh Long An.
3. Trần Văn G, sinh năm 1990. (có mặt)
HKTT: Ấp L1, xã T5, huyện T6, tỉnh Long An.
Chỗ ở: Ấp H2, xã T5, huyện T6, tỉnh Long An.
4. Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1990. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M, huyện C3, tỉnh Đồng Tháp.
5. Nguyễn Minh T, sinh năm 1990. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp 1, xã M, huyện C3, tỉnh Đồng Tháp.
6. Trương Đặng Thị Th, sinh năm 1977. (vắng mặt)
HKTT: đường Ng1, Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Chỗ ở: đường Ng2, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Vũ Thị Thanh D1, sinh năm 1982. (có mặt)
Nơi cư trú: ấp T1, xã T2, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Lý Quang T1, sinh năm 1974. (có mặt)
Nơi cư trú: ấp Th, xã Tr, huyện C, Thành phố Cần Thơ.
9. Nguyễn Thanh S, sinh năm 1992. (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp Th, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2014 đến tháng 8/2014, vợ chồng ông Trần Văn C - Phó giám đốc và bà Cao Thị G - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kinh doanh chế biến lương thực H (viết tắt là Công ty H) có trụ sở tại xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ có quan hệ mua bán, gửi gạo với Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ T (viết tắt là Công ty T) có trụ sở tại Cụm Công nghiệp M thuộc ấp 2, xã M, huyện C3, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Thị Bích Kh làm Giám đốc. Việc mua bán không lập hợp đồng, chỉ lập phiếu giao nhận hàng hóa (phiếu này do Công ty T phát hành), trên phiếu ghi rõ số lượng, chủng loại gạo, đơn giá, thời gian giao nhận, rồi 02 bên cùng ký tên và mỗi bên giữ 01 bản để làm căn cứ thanh toán tiền, địa điểm giao nhận gạo là tại kho của Chi nhánh Công ty T.

Trong quá trình mua bán, do phía Công ty T thông báo ngưng, không nhập gạo nữa, nên ngày 18/5/2014 bà Cao Thị G và Nguyễn Thị Bích Kh ký kết hợp đồng gửi giữ tài sản với nội dung: “*Công ty H gửi gạo cho Công ty T*

nhận giữ tại kho số 1 của Công ty T, số lượng, tình trạng gạo, thời hạn gửi giữ sẽ được ghi nhận theo từng đợt giao gửi giữ theo biên nhận riêng. Phí gửi giữ là 150đ/1kg. Công ty H được nhận lại gạo bất cứ lúc nào trong thời hạn gửi giữ”. Thực hiện hợp đồng đã ký kết, từ ngày 20/5/2014 đến ngày 07/8/2014, Công ty H đã gửi vào kho số 1 của Công ty T 1.147.509,22 kg gạo thơm (gồm có 948.711,48 kg gạo KDM và 198.797,74 kg gạo Jasmine) được thể hiện bằng 10 phiếu giao nhận hàng hóa và 10 biên nhận nhận gạo gửi có chữ ký xác nhận của Quản đốc Vũ Đình Đ, Kế toán Hoàng Thị D, Thủ kho Nguyễn Minh T và Nguyễn Thanh Ph. Ngày 07/8/2014 Quản đốc Vũ Đình Đ, Kế toán Hoàng Thị D và Thủ kho Nguyễn Minh T làm 01 Biên nhận xác nhận Công ty H có gửi tại kho số 1 Công ty T tổng cộng là 1.147.509,22 kg gạo thơm.

Sau khi nhận giữ số gạo của Công ty H, ngày 24/9/2014 Công ty T đã xuất trả 229.261,26 kg còn lại 918.247,96 kg, Bích Kh nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã dùng thủ đoạn gian dối để chuyển số gạo Công ty H gửi giữ thành gạo mua bán theo Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/HN-TN/2014 ngày 15/7/2014 nhằm phủ nhận việc nhận giữ gạo để chiếm đoạt số gạo của Công ty H gửi giữ. Cụ thể Bích Kh đã chỉ đạo cho Kế toán Chi nhánh Công ty T là Hoàng Thị D ghi thêm vào “Phiếu nhập kho” nội dung “*theo HĐ số 15/HĐKT/HN-TN ngày 15/7/2014 của Công ty H*”, ghi chủng loại gạo trên “Phiếu nhập kho” là gạo Jasmine và ghi đơn giá là 9.900đ/kg cho phù hợp với nội dung Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/HN-TN/2014 ngày 15/7/2014 nhưng thực chất số gạo gửi giữ ghi trên “Phiếu giao nhận hàng hóa” thể hiện là gạo KDM giá 14.200đ/kg.

Ngày 16/10/2014, ông Trần Văn C (chồng bà G) yêu cầu nhận lại số gạo đã gửi thì Bích Kh viết giấy hẹn đến ngày 22/10/2014 sẽ trả lại gạo cho ông C nhưng đến hẹn bị cáo không thực hiện. Ông C tiếp tục yêu cầu trả gạo nhiều lần thì ngày 08/12/2014, bị cáo chỉ đạo ông Vũ Đình Đ (Quản đốc), Hoàng Thị D (Kế toán) và Nguyễn Minh T (Thủ kho) ký giấy hẹn đến ngày 18/12/2014 sẽ trả đủ số gạo cho ông C nhưng đến hẹn bị cáo cũng không thực hiện; sau đó bị cáo đã bán toàn bộ số gạo 918.247,96 kg của ông C gửi cho Công ty B ở Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, sau khi nhận gửi giữ gạo của ông C, bằng thủ đoạn gian dối nêu trên bị cáo Bích Kh đã chiếm đoạt của ông C 918.247,96 kg gạo trị giá 12.562.006.456 đồng. Do không nhận được gạo và nghi ngờ Bích Kh đã chiếm đoạt số gạo này nên ông C làm đơn tố cáo bị cáo chiếm đoạt số gạo của ông gửi giữ.

Quá trình điều tra, đối chiếu xác định được: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/5/2014 đến ngày 07/8/2014, tổng số phiếu giao nhận hàng hóa mua bán và ký gửi giữa Công ty T và Công ty H là 58 phiếu, với tổng số lượng là 6.916.776,23 kg gạo các loại. Trong đó:

+ 48 phiếu gạo mua bán với số lượng 5.769.267,01 kg thành tiền là 69.459.774.412 đồng, Công ty T đã trả tiền mặt và chuyển khoản cho Công ty H 68.689.368.092 đồng, còn nợ lại 770.406.320 đồng.

+ 10 phiếu gạo gửi với số lượng 1.147.509,22 kg. Ngày 24/9/2014 Công

ty T xuất trả lại cho Công ty H 229.261,26 kg, bị cáo Bích Kh chiếm đoạt của Công ty H 918.247,96 kg trị giá 12.562.006.456 đồng (gồm có: 719.450,22 kg gạo KDM trị giá 10.216.193.124 đồng và 198.797,74 kg gạo Jasmine trị giá 2.345.813.332 đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo Bích Kh không thừa nhận hành vi phạm tội vì cho rằng bị cáo ký hợp đồng gửi giữ tài sản với vợ chồng ông C, bà G là ký khống, nhằm giúp phía Công ty H hợp thức hóa có hợp đồng gửi gạo để Công ty H ký hợp đồng với đối tác khác chứ không có thực hiện trên thực tế.

Ban đầu khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C3 mời làm việc, bị cáo Bích Kh chỉ đạo cho bà Trương Đặng Thị Th (người được bị cáo ủy quyền) khai báo với Cơ quan điều tra là ngày 18/5/2014 Công ty T có ký hợp đồng nhận giữ 1.147,905,22 kg gạo của Công ty H nhưng sau đó Công ty H đã bán toàn bộ số gạo gửi này cho Công ty T theo Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/HN-TN/2014 ngày 15/7/2014 và việc mua bán đã thực hiện xong.

Sau đó, tại buổi làm việc vào ngày 05/5/2016 với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp, bị cáo Kh đã thừa nhận: Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/HN-TN/2014 ngày 15/7/2014 chỉ là hợp đồng ký trên giấy tờ để hợp thức hóa số gạo đã mua bán trước đó, không phải là hợp đồng riêng biệt. Mục đích 02 bên ký hợp đồng này là để Công ty H xuất hóa đơn, làm căn cứ để bị cáo vay tiền Ngân hàng B Chi nhánh B6 thanh toán tiền mua gạo cho Công ty H.

Những người làm chứng: Vũ Đình Đ là Quản đốc kho, Hoàng Thị D, Trần Văn G là Kế toán; Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Minh T là Thủ kho nhập/xuất hàng hóa của Công ty T đều xác định việc ông C gửi gạo tại kho số 1 Công ty T theo 10 phiếu giao nhận hàng hóa do phía ông C xuất trình là có thật, được thể hiện bằng hợp đồng gửi giữ tài sản mà bị cáo Kh đã ký với Công ty H. Cụ thể là theo sự chỉ đạo của bị cáo Kh, ông Đ và bộ phận kế toán, thủ kho có lập thủ tục ký nhận 1.147.509,22 kg gạo do ông C gửi giữ. Ông C đã nhiều lần đòi lại số gạo gửi giữ nhưng bị cáo Kh không thực hiện, đến ngày 08/12/2014 bị cáo Kh chỉ đạo ông Đ và bộ phận kế toán, thủ kho ký giấy hẹn trả gạo cho ông C vào ngày 18/12/2014 nhưng đến hạn bị cáo vẫn không thực hiện. Đồng thời, những người làm chứng còn xác định như sau:

- Ông Vũ Đình Đ (Quản đốc) xác định: Khi ông nghỉ việc (tháng 01/2015) thì số gạo của ông C gửi vẫn còn trong kho và lúc này Ngân hàng TMCP P- Chi nhánh B6, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ngân hàng P) đã quản lý toàn bộ hàng hóa trong kho, muốn xuất bán phải có ý kiến của Ngân hàng P, điều này có nghĩa là gạo của ông C gửi đã thế chấp cho Ngân hàng P. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ thay đổi lời khai cho rằng việc gửi gạo là không có thật. Việc thay đổi lời khai của ông Đ mâu thuẫn với lời khai của ông Đ trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Nguyễn Thanh Ph (Thủ kho xuất hàng) xác định: Lúc nghỉ việc (tháng

4/2015) thì gạo của ông C gửi vẫn còn trong kho.

- Hoàng Thị D và Trần Văn G (Kế toán) xác định: Từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2015 (khi xuất hết số gạo trong kho) thì gạo của ông C vẫn còn trong kho, trong khoảng thời gian này Công ty T muốn xuất gạo bán cho ai phải có sự đồng ý của Ngân hàng P. Từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2015 Công ty T chỉ có xuất gạo bán cho Công ty T1 Đồng Tháp và Công ty B ở TP.HCM. số lượng gạo của ông C gửi đã được xuất bán hết cho 02 Công ty này nhưng cả hai không biết gạo của ông C xuất bán cho mỗi Công ty là bao nhiêu.

Riêng Hoàng Thị D (Kế toán) còn khai nhận: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của bị cáo Kh, tháng 12/2014 (*thời điểm sau khi ông C đã thừa Bích Kh ra UBND xã M đòi lại số gạo gửi giữ*) D ghi thêm vào phiếu nhập kho dòng chữ “*theo HĐ số 15/HĐKT/HN-TN ngày 15/7/2014 của Công ty H*” và ghi chủng loại gạo trên phiếu nhập kho không đúng với chủng loại gạo ghi trên phiếu giao nhận hàng hóa (*phiếu giao nhận hàng hóa ghi là gạo KDM nhưng ghi vào phiếu nhập kho là gạo Jasmine*), đồng thời điều chỉnh đơn giá cho phù hợp với loại gạo Jasmine là 9.900đ/kg (gạo KDM giá 14.200đ/kg, còn gạo Jasmine là 9.900đ/kg).

- Tại Bản kết luận giám định số 411 ngày 11/9/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Bích Kh trên hợp đồng gửi giữ tài sản ngày 18/5/2014, biên nhận tổng 10 ghe gạo ngày 07/8/2014, biên bản xác nhận trả gạo ngày 16/10/2014 là do bị cáo Kh ký, viết ra.

+ Chữ ký mang tên Hoàng Thị D và Vũ Đình Đ trên các tài liệu:

10 biên nhận từng ghe gạo; 01 biên nhận tổng và giấy hẹn trả gạo đề ngày 08/12/2014 là do D và Đức ký ra.

+ Hình con dấu “Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ T” trên hợp đồng gửi giữ tài sản ngày 18/5/2014, biên nhận tổng 10 ghe gạo ngày 07/8/2014 so với hình con dấu trên các tài liệu mẫu là do cùng một con dấu đóng ra.

- Kết luận giám định số: 96 ngày 29/02/2016 và kết luận giám định số: 131 ngày 24/3/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Chữ “**lấn**” ở cột “Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa” trên các phiếu nhập kho là do Hoàng Thị D viết ra.

- Với hành vi nêu trên, ngày 03/4/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã xét xử sơ thẩm và tuyên phạt bị cáo Bích Kh 07 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Sau khi bị kết án, Nguyễn Thị Bích Kh kháng cáo.

Ngày 08/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tuyên hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2015.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kinh doanh chế biến lương thực H (đại diện là bà Cao Thị G và ông Trần Văn C) số tiền 12.424.269.456 đồng. Đối với khoản tiền 770.406.230 đồng là tiền mua bán gạo giữa bị cáo Bích Kh với ông C, bà G. Trong quá trình điều tra lại, ông Bùi Thế Ng (chồng bị cáo) đã nộp vào tài khoản của Cơ quan điều tra số tiền 13.195.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên Cơ quan điều tra đã trao trả toàn bộ số tiền này cho vợ chồng ông C, bà G. Như vậy, khoản tiền 12.424.269.456 đồng đã được khắc phục xong. Riêng khoản tiền 770.406.230 đồng, ông C, bà G cũng đã nhận xong nhưng bị cáo cho rằng phần 770.406.230 đồng này chưa được đối chiếu nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi nào có yêu cầu cụ thể.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 25/3/2019, bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định sau khi ký hợp đồng gửi giữ và nhận gạo từ Công ty H, Nguyễn Thị Bích Kh đã chỉ đạo nhân viên sửa phiếu nhập kho để chuyển gạo gửi giữ thành gạo mua bán, sau đó bán lại cho người mua khác. Tổng khối lượng bị cáo chiếm đoạt của Công ty H là 918.247,96 kg gạo, trị giá 12.562.006.456 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Đinh Thế H bào chữa cho bị cáo trình bày: Cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng Bộ luật tố tụng hình sự. Hồ sơ vụ án thể hiện có 49 phiếu nhập kho là giao dịch với cá nhân bà G, không phải Công ty H; cấp sơ thẩm chưa chứng minh được bị hại là pháp nhân hay cá nhân. Việc quy kết bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là chưa đủ cơ sở. Đối với số

tiền ông Ng nộp lại, cơ quan điều tra giao cho ông C, bà G là vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Luật sư Trịnh Vĩnh Ph bào chữa cho bị cáo trình bày: Hợp đồng gửi giữ chỉ là hợp đồng giả cách, bị cáo ký giúp ông C, bà G để làm việc với các đối tác khác, thực tế không có việc gửi giữ. Hợp đồng kinh tế số 15 là có thật, có chứng từ chứng minh đầy đủ và đã nộp cho các cơ quan tiến hành tố tụng để xem xét. Trong hồ sơ vụ án, ông C, bà G có nhiều lời khai mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét. Quan hệ giữa Công ty T và Công ty H là giao dịch dân sự, các cơ quan tiến hành tố tụng có dấu hiệu hình sự hóa quan hệ dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội, đồng thời đề nghị tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa vì bị cáo hiện cao tuổi, sức khỏe không đảm bảo.

Luật sư Nguyễn Văn H bảo vệ quyền lợi cho bị hại trình bày: Hợp đồng số 15 là không có thật, việc ký kết hợp đồng này chỉ nhằm để bị cáo vay tiền ngân hàng. Việc gửi giữ là có thật, thể hiện ở các phiếu nhập kho. Bị cáo đã chỉ đạo nhân viên sửa chủng loại gạo sau đó bán cho người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ, được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2014 đến tháng 8/2014, Công ty TNHH MTV kinh doanh chế biến lương thực H (viết tắt là Công ty H) do vợ chồng bà Cao Thị G, ông Trần Văn C quản lý điều hành có quan hệ mua bán, gửi giữ gạo với Chi nhánh Công ty TNHH thương mại dịch vụ T (viết tắt là Công ty T). Việc mua bán không thực hiện hợp đồng mà chỉ lập các phiếu giao hàng ghi số lượng, chủng loại, đơn giá, thời gian giao nhận để làm căn cứ thanh toán. Do Công ty T không tiếp tục thu mua gạo nên đến ngày 18/5/2014, hai bên ký hợp đồng gửi giữ tài sản với nội dung Công ty T cho Công ty H gửi gạo tại kho số 1, phí gửi giữ là 150đ/1kg, Công ty H được nhận lại gạo bất cứ lúc nào trong quá trình gửi giữ. Kết quả đối chiếu chứng từ, sổ sách xác định được trong khoảng thời gian từ ngày 20/5/2014 đến ngày 07/8/2014, tổng số phiếu giao nhận hàng hóa mua bán và ký gửi giữa Công ty T và Công ty H là 58 phiếu, số lượng là 6.916.776,23 kg gạo các loại. Trong đó: 48 phiếu gạo mua bán với số lượng 5.769.267,01 kg thành tiền là 69.459.774.412 đồng; 10 phiếu gạo gửi với số lượng 1.147.509,22 kg. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty H đã gửi giữ 1.147.509,22 kg gạo theo hợp đồng đã thỏa thuận. Sau khi nhận giữ số gạo của Công ty H, ngày 24/9/2014 Công ty T đã xuất trả 229.261,26 kg còn lại 918.247,96 kg Công ty T không trả lại được cho Công ty H. Số hàng hóa

nhận giữ giữ của Công ty H, Kh đã chỉ đạo kế toán là Nguyễn Thị D ghi bổ sung vào phiếu nhập kho nội dung “theo HĐ số 15/HĐKT/HN-TN ngày 15/7/2014 của Công ty H”, sửa lại chủng loại hàng, đơn giá để biên hàng gửi giữ thành hàng hóa mua bán, sau đó bán lại cho người khác.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Nguyễn Thị Bích Kh phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Hợp đồng gửi giữ ngày 18/5/2014 được ký kết trên cơ sở tự nguyện của hai bên; thực tế Công ty H đã chuyển gạo gửi giữ nhập kho Công ty T thông qua 10 phiếu giao nhận hàng hóa và 10 biên nhận gạo có chữ ký xác nhận của các nhân viên Công ty T như Vũ Đình Đ, Hoàng Thị D, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thanh Ph. Lời khai của những người này trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều xác định có việc Công ty H chuyển gạo vào kho hàng của Công ty T theo đúng thời gian, số lượng, chủng hàng được xác nhận trong 10 biên nhận lẻ và 01 biên nhận tổng ngày 07/8/2014. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Đình Đ thay đổi lời khai, xác định không có việc gửi giữ gạo là mâu thuẫn với lời khai của ông Đ trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo khai nhận có việc nhập kho hàng hóa nhưng cho rằng hợp đồng gửi giữ là hợp đồng khống, không thực hiện trên thực tế; khối lượng gạo Công ty H chuyển theo 10 phiếu nhập kho là để hợp thức hóa Hợp đồng mua bán số 15/HĐKT/HN-TN/2014 ngày 15/7/2014 đã ký trước đó. Bà G, ông C lại phủ nhận Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014, cho rằng hợp đồng này chỉ ký để giúp Công ty T vay tiền, thực tế không thực hiện.

Tại biên bản hỏi cung ngày 12/11/2018 có Luật sư Đinh Thế H bào chữa cho bị cáo tham gia (BL 2109), bị cáo lại thừa nhận có ký hợp đồng gửi giữ, số gạo Công ty H nhập kho là gạo gửi nhưng sau đó chuyển từ gạo gửi sang gạo bán theo Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014; tuy nhiên bị cáo có sai sót là không làm giấy tờ thỏa thuận việc chuyển gạo gửi sang gạo mua bán. Tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 10/6/2019, bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh khai có nhận của bà G 56 ghe gạo, trong đó đã thanh toán 41 ghe, còn nợ lại 15 ghe giá 24.289.612.052 đồng; do ngân hàng không cho vay tiền nên lập Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014 để làm thủ tục cho Công ty T vay tiền trả số nợ của 15 ghe trước đó, thực tế không có việc mua bán. Như vậy, chính lời khai của bị cáo liên quan đến hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014 là có sự mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy nội dung Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014 Công ty H bán cho Công ty T 2000 tấn gạo thơm Jasmine, đơn giá 9.900.000 đồng/tấn; thời gian giao hàng từ ngày 25/7/2014 đến ngày 15/8/2014; phương thức thanh toán ứng trước 90% ngay khi ký hợp đồng. Hóa đơn Công ty H xuất

cho Công ty T để Ngân hàng giải ngân là 1011 tấn gạo Jasmine. Trong khi đó, số gạo Công ty H chuyển của 08 ghe (chuyển 10 ghe, sau đó trả lại 02 ghe) là 719.450,22kg gạo KDM và 198.797,74 gạo Jasmine; thời gian giao hàng từ ngày 20/5/2014 đến ngày 07/8/2014. Như vậy, số lượng và chủng loại hàng hóa của Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014 kèm theo hóa đơn mua bán hàng hóa không trùng khớp với số lượng và chủng loại hàng được Công ty H nhập vào kho Công ty T. Giao dịch mua bán liên quan đến Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014 cũng không được Công ty T thể hiện trong khai báo thuế hoặc báo cáo tài chính. Ngoài ra, kế toán Công ty T là bà Hoàng Thị D có lời khai tại biên bản làm việc ngày 05/5/2016 xác định bà không biết Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014, *“trên thực tế kế toán không ghi nhận số lượng gạo giao nhận theo HĐ số 15”* (BL 1049). Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/3/2019, bà D cũng xác định việc ghi thêm *“theo HĐ số 15/HĐKT/HN-TN ngày 15/7/2014 của Công ty H”* vào phiếu nhận gạo là do bị cáo Kh chỉ đạo, bà không biết hợp đồng kinh tế số 15.

Hơn nữa, tại biên bản làm việc ngày 05/5/2016 (BL1046-1049), Công ty H có ông C, bà G đại diện và Công ty T có bị cáo Kh đại diện cùng kế toán 02 công ty đã xác định số gạo mua bán với bà G là 48 phiếu, đã thanh toán số tiền 68.689.368.092 đồng (bao gồm 02 khoản 9.998.591.000 đồng và 10.309.000 đồng theo ủy nhiệm chi 04/8/2014 và 19/8/2014 mà bị cáo cho rằng để thực hiện Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014), còn nợ lại bà G số tiền 770.406.320 đồng.

Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014 thực hiện nội dung mua bán không đúng số lượng, chủng loại gạo các bên giao nhận; số tiền giải ngân từ hợp đồng này các bên khấu trừ cho khoản nợ mua bán của bà G trong 48 ghe đã nhận trước đó; điều đó cho thấy lời khai của bà G, ông C cho rằng Hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014 không thực hiện trên thực tế mà chỉ là thủ tục hợp thức hóa cho bị cáo Kh vay tiền ngân hàng là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận lời khai của bị cáo cho rằng số lượng gạo gửi theo 10 phiếu nhập kho là hàng Công ty T mua của Công ty H theo Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/HN-TN/2014.

[3.2] Ngoài ra, khi Công ty H yêu cầu nhận lại hàng gửi thì ngày 16/10/2014 bị cáo viết biên bản xác nhận và cam kết ngày 22/10/2014 sẽ giao cho ông C 1.000 tấn gạo (BL142); đến ngày 08/12/2014 do vẫn chưa giao được gạo nên bị cáo chỉ đạo ông Đ ký giấy hẹn trả gạo vào ngày 18/12/2014, có chữ ký xác nhận của kế toán bà Hoàng Thị D, thủ kho ông Nguyễn Minh T (BL143). Việc cam kết giao hàng và viết giấy hẹn phù hợp với việc Công ty H gửi giữ hàng hóa cho Công ty T như lời trình bày của ông C, bà G. Người bào chữa của bị cáo cho rằng giữa hai bên có quan hệ mua qua bán lại nên các giấy cam kết này là cam kết việc giao hàng mua bán, không phải giao hàng Công ty H gửi giữ. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bị cáo và ông C, bà G đều xác định giữa hai bên có 03 giao dịch được ký kết: hợp đồng gửi giữ ngày 18/5/2014,

hợp đồng số 15/HĐKT/HN-TN/2014 Công ty H bán gạo cho Công ty T và hợp đồng số 04.11/HĐKT/2014 ngày 04/11/2014 Công ty T bán gạo cho Công ty H. Tại đơn kháng cáo cũng như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, bị cáo xác định hợp đồng số 04.11/HĐKT/2014 hai bên có ký nhưng không thực hiện. Như vậy, không có căn cứ xác định các giấy hẹn giao gạo ngày 16/10/2014 và 08/12/2014 là hẹn giao gạo Công ty T bán cho Công ty H.

[3.3] Sau khi nhận hàng gửi giữ của Công ty H, bị cáo chỉ đạo kế toán là Nguyễn Thị D ghi bổ sung vào phiếu nhập kho nội dung “theo HĐ số 15/HĐKT/HN-TN ngày 15/7/2014 của Công ty H”, sửa lại chủng loại hàng, đơn giá để biến hàng gửi giữ thành hàng hóa mua bán, sau đó bị cáo tự ý bán lại cho người khác, không có sự đồng ý của Công ty H.

Tại biên bản hỏi cung ngày 12/11/2018, bị cáo khai số gạo nhận từ Công ty H bị cáo đã thế chấp cho Ngân hàng P, sau đó bán lại cho Công ty B và DNTN C dưới sự giám sát của Ngân hàng P (BL2110). Hiện tại số gạo 918.247,96kg Công ty H gửi tại kho Công ty T không còn, hàng hóa bị chiếm đoạt trị giá 12.424.269.456 đồng.

[3.4] Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xét xử bị cáo theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại, ảnh hưởng đến kinh tế xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cũng không có thành tích xuất sắc trong học tập, sản xuất. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng quy định pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với nội dung này.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có hoàn cảnh khó khăn, sau khi phạm tội đã khắc phục toàn bộ hậu quả nên xử phạt bị cáo 05 năm tù – mức khởi điểm của khung hình phạt liền kề nhẹ nhất là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3.5] Về trách nhiệm dân sự: Kết quả điều tra xác định số hàng hóa bị cáo chiếm đoạt của Công ty H là 918.247,96kg, trị giá 12.424.269.456 đồng. Ngoài ra, thực hiện giao dịch mua bán bị cáo Kh còn nợ ông C, bà G 770.406.230 đồng. Trong quá trình điều tra, ông Bùi Thế Ng (chồng bị cáo) đã

tự nguyện nộp số tiền 13.195.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo. Việc ông Ng tự nguyện thay bị cáo khắc phục hậu quả là không trái với quy định pháp luật. Do đó, cơ quan điều tra giao cho ông C, bà G số tiền 13.195.000.000 đồng mà ông Ng đã nộp là có căn cứ. Bản án sơ thẩm cũng ghi nhận bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả.

Đối với số tiền 770.406.230 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện vụ án dân sự nếu bị cáo cho rằng số nợ này chưa được đối trừ xong là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi của các bên.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nhận định tại mục [3].

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; các điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kinh doanh chế biến lương thực H (đại diện là bà Cao Thị G và ông Trần Văn C) số tiền 12.424.269.456 đồng. Đối với khoản tiền 770.406.230 đồng là tiền mua bán gạo giữa bị cáo Bích Kh với ông

C, bà G. Trong quá trình điều tra lại, ông Bùi Thế Ng (chồng bị cáo) đã nộp vào tài khoản của Cơ quan điều tra số tiền 13.195.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên Cơ quan điều tra đã giao số tiền này cho vợ chồng ông C, bà G. Như vậy, khoản tiền 12.424.269.456 đồng đã được khắc phục xong. Riêng khoản tiền 770.406.230 đồng, ông C, bà G cũng đã nhận xong nhưng bị cáo cho rằng phần 770.406.230 đồng này chưa được đối chiếu nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi nào có yêu cầu cụ thể.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Bích Kh phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Nhựt Bình

Phan Tô Ngọc

Hoàng Thanh Dũng